TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2022
"Về việc tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Lệ

2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hùng Cường- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022, về việc "*Tranh chấp ly hôn"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Bích T khai có nội dung:

Vào năm 1993, bà có xác lập quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn Q, có tổ chức đám cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống hạnh phúc vợ chồng có ba người con chung tên Nguyễn T.T.L, sinh ngày 25/3/1994, Nguyễn T.T.P, sinh ngày 24/6/1996 và Nguyễn C.Th, sinh ngày 10/8/1998. Do các con đã thành niên sống tự lập nên bà không yêu Tòa án giải quyết.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng sống chung nhau không hòa hợp tính tình, thường xuyên cự cải qua lại với nhau. Do ông Q tính tình khó khăn, thường xuyên nhậu về đánh đập bà và đuổi bà ra khỏi nhà nhiều lần. Nên bà và ông Q đã ly thân từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn lại được. Do đó bà xin ly hôn với ông Q.

Về tài sản chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2022 ông Nguyễn Văn Q khai như sau:

Ông Q thống nhất với lời trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên ông cho rằng ông có đăng ký kết hôn với bà T tại Ủy ban nhân dân xã T nhưng bị thất lạc nên ông không cung cấp được cho Tòa án.

Trong quá trình chung sống hạnh phúc vợ chồng ông có ba người con chung tên Nguyễn T.T.L, sinh ngày 25/3/1994, Nguyễn T.T.P, sinh ngày 24/6/1996 và Nguyễn C.Th, sinh ngày 10/8/1998. Do các con đã thành niên sống tự lập nên ông không yêu Tòa án giải quyết. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ.

Về tài sản chung: Không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Về con chung ông Q và bà T có 03 người con chung là Nguyễn T.T.L, sinh ngày 25/3/1994, Nguyễn T.T.P, sinh ngày 24/6/1996 và Nguyễn C.Th, sinh ngày 10/8/1998. Do các con đã thành niên sống tự lập nên ông, bà không yêu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà T và ông Q thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Về hôn nhân bà T yêu cầu ly hôn, ông Q không đồng ý mà yêu cầu đoàn tụ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa

vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9,14, 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vị đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà T và ông Q là vợ chồng. Về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết. Buộc bà T chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị Bích T khởi kiện yêu cầu tranh chấp ly hôn. Bị đơn ông Nguyễn Văn Q có địa chỉ tại ấp K, xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bà Trần Thị Bích T nhưng bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng cả hai lần ông đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Qxác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà là không hợp pháp, vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Sau quá trình chung sống kéo dài đến nay ông bà vẫn không có đăng ký kết hôn. Mặc dù ông Q khai là có đăng ký kết hôn nhưng căn cứ văn bản số 01/UBND ngày 12/01/2022 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tiểu Cần cho thấy rằng Ủy ban nhân dân xã T không còn sổ lưu trữ hồ sơ hộ tịch của ông Nguyễn Văn Q và bà Trần Thị Bích T. Đồng thời theo phiếu cung cấp thông tin hồ sơ hộ tịch số 17/PTP ngày 08/7/2022 của Phòng Tư Pháp huyện Tiểu Cần cũng thể hiện qua tra cứu không tìm thấy thông tin kết hôn của bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Q. Đến năm 2021 thì bà T và ông Q phát sinh mẫu thuẫn trong cuộc sống, bà T kiên quyết xin ly hôn, ông Q không đồng ý. Tuy nhiên căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở để Hội đồng xét xử không công nhận bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Q là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Q đều thống nhất có 03 người con chung tên Nguyễn T.T.L, sinh ngày 25/3/1994, Nguyễn T.T.P, sinh ngày 24/6/1996 và Nguyễn C.Th, sinh ngày 10/8/1998. Các con chung đều đã trưởng thành nên ông Q và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Q thống nhất không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Q khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà Trần Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dung Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Bích T với ông Nguyễn Văn Q là vợ chồng.

2. Về con chung: có ba người Nguyễn T.T.L, sinh ngày 25/3/1994, Nguyễn T.T.P, sinh ngày 24/6/1996 và Nguyễn C.Th, sinh ngày 10/8/1998, đã thành niên sống tự lập các đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Q thống nhất không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Văn Q thống nhất khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (*Án phí hôn nhân và gia đình*), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008857, ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần; bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Ngọc Quyền